



# TALK TO YOUR PETS

## Conversation Cheat Sheet

Create Your  
FREE Account

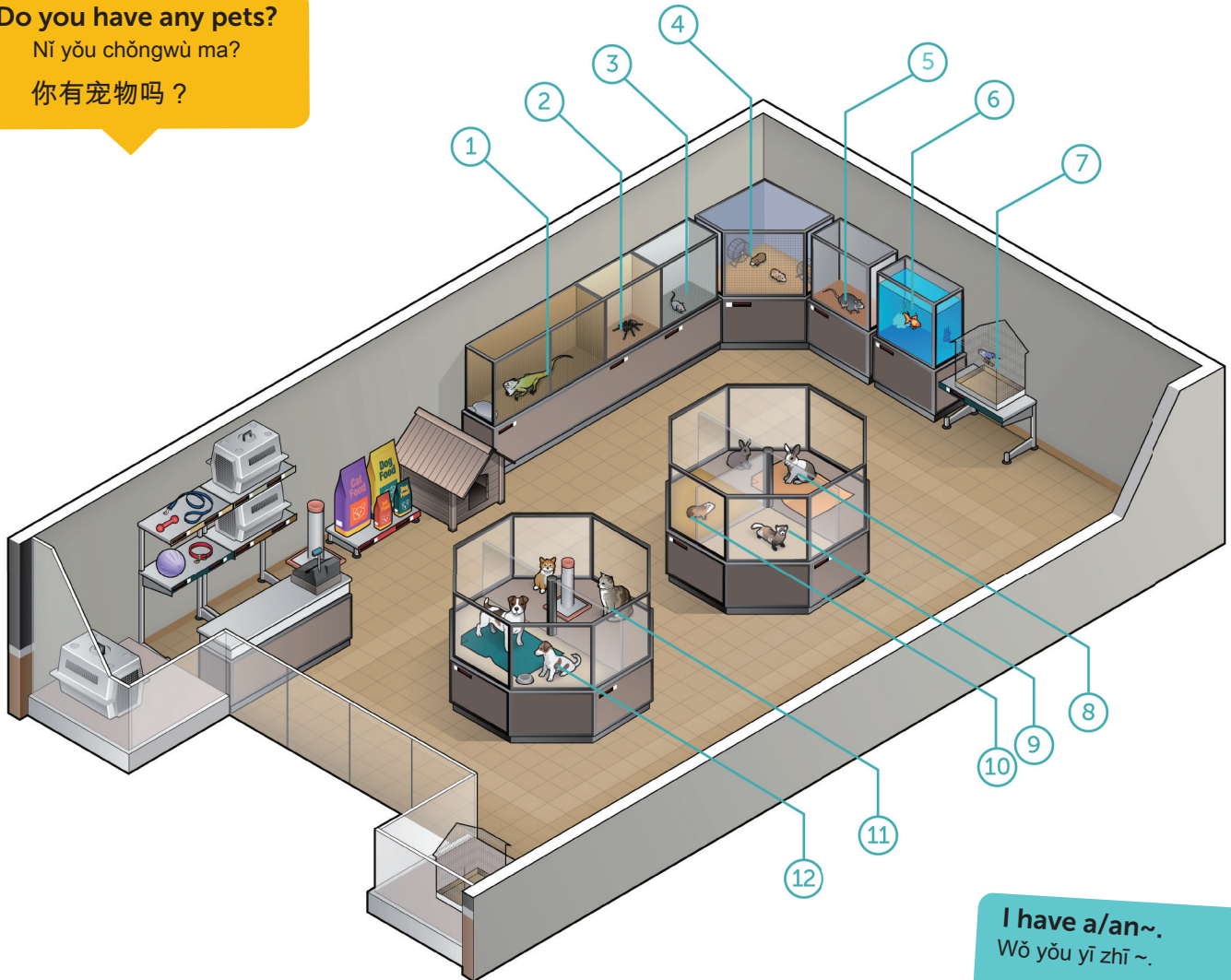
CLICK 

### Pet Store

Do you have any pets?

Nǐ yǒu chǒngwù ma?

你有宠物吗？



I have a/an~.  
Wǒ yǒu yī zhī ~.  
我有一只~。

**1. lizard**

xīyì  
蜥蜴

**2. spider**

zhīzhū  
蜘蛛

**3. duck**

yāzi  
鸭子

**4. hamster**

cāngshǔ  
仓鼠

**5. chinchilla**

lóng māo  
龙猫

**6. goldfish**

jīnyú  
金鱼

**7. parrot**

yīngwǔ  
鹦鹉

**8. rabbit**

tùzi  
兔子

**9. ferret**

xuědiāo  
雪貂

**10. guinea pig**

túnshǔ  
豚鼠

**11. cat**

māo  
猫

**12. dog**

gǒu  
狗

## Dog Breeds



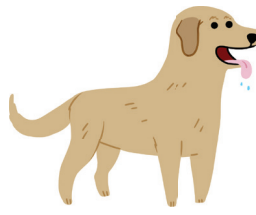
### German Shepherd

déguó mùyáng quǎn  
德国牧羊犬



### Great Dane

dà dān quǎn  
大丹犬



### Labrador Retriever

lā bù lā duō xún huí quǎn  
拉布拉多寻回犬



### Dalmatian

bān diǎn quǎn  
斑点犬



### Pug

bā gē quǎn  
巴哥犬



### Bulldog

dòuniú quǎn  
斗牛犬



### Dachshund

làcháng quǎn  
腊肠犬



### Yorkshire Terrier

yuēkè xià quǎn  
约克夏犬



### Doberman

dù bīn quǎn  
杜宾犬



### Poodle

guìbīn quǎn  
贵宾犬

## Dog Commands in Chinese

### Roll over!

Fānshēn!  
翻身！

### Sit!

Zuò!  
坐！

### Jump!

Tiào!  
跳！

### Give the paw!

Wòshǒu!  
握手！

### Fetch!

Jiǎn qiú!  
捡球！

### Lay down!

Pā xià!  
趴下！

### Stand up!

Zhàn qǐlái!  
站起来！

### Play dead!

Zhuāng sǐ!  
装死！

## Cat Breeds



### Persian cat

bōsī māo  
波斯猫



### Maine Coon cat

miǎn yīn māo  
缅因猫



### Siamese cat

xiān luó māo  
暹罗猫



### Birman cat

bó màn māo  
伯曼猫



### Ragdoll cat

bù ǒu māo  
布偶猫



### Himalayan cat

xīmǎlāyǎ māo  
喜马拉雅猫



### Sphynx cat

jiānádà wú máo māo  
加拿大无毛猫



### American Shorthair cat

měiguó duǎn máo māo  
美国短毛猫

## Pet Vocabulary You Need to Know

### collar

xiàngquān  
项圈

### leash

gǒushéng  
狗绳

### vaccine

yìmiáo  
疫苗

### toy

wánjù  
玩具

### dog food

gǒu liáng  
狗粮

### cat food

māo liáng  
猫粮

### birdcage

niǎo lóng  
鸟笼

### hamster ball

cāngshǔ qiú  
仓鼠球